

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG PHÚ
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 74/2024/DS-ST

Ngày: 20 -9-2024

V/v Tranh chấp hợp đồng đặt cọc và
tranh chấp đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thái Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Phương.

2. Ông Hồ Quốc Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Gia Mẫn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lê Hồng Như - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2024//TLST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc và tranh chấp đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lâm Đức P, sinh năm 1978 - Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Triệu Du N, sinh năm 1986 - Địa chỉ: Số nhà H, Ấp E, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1981 - Địa chỉ: Ấp P, xã L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lý Thị D, sinh năm 1985; Địa chỉ: Ấp P, xã L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

Người làm chứng:

3.1. Ông Lý Sà R, sinh năm 1983; Địa chỉ: Ấp P, xã L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

3.2. Ông **Thạch Trường G**, sinh năm 1983; Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

3.3. Ông **Danh X**, sinh năm 1964; Địa chỉ: Ấp P, xã L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

3.4. Bà **Thạch Thị D1**, sinh năm 1986; Địa chỉ: Ấp K, xã L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

3.5. Ông **Trần Văn H** - Chức vụ: Trưởng Ban N2, xã L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/02/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lâm Đức P trình bày:*

Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2023 đến tháng 11/2023, ông Lâm Đức P và ông Nguyễn Văn T có ký kết 15 hợp đồng mua bán lúa tươi, cụ thể như sau:

- Hợp đồng mua bán lúa tươi các loại ngày 15/10/2023, giống lúa: Đ, giá thỏa thuận: 8.000đồng/kg, số lượng: 600 tấn. Ông P đã đưa cọc cho ông T số tiền là 240.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi triệu đồng).

- Hợp đồng mua bán lúa ngày 15/10/2023, giống lúa: Đ, giá thỏa thuận: 8.500đồng /kg, số lượng: 1.000 tấn. Ông Lâm Đức P đã đưa cọc cho ông T số tiền là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng).

- Hợp đồng mua bán lúa ngày 19/10/2023, giống lúa: 5451, giá thỏa thuận: 8.200đồng/kg số lượng: 500 tấn. Ông P đã đưa cọc cho ông T số tiền là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng).

- Hợp đồng mua bán lúa ngày 23/10/2023, giống lúa: Đ, giá thỏa thuận: 8.250 đồng/kg, số lượng: 800 tấn. Ông P đã đưa cọc cho ông T số tiền là 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng).

- Hợp đồng mua bán lúa tươi các loại ngày 24/10/2023, giống lúa: Đ, giá thỏa thuận: 8.300đồng/kg, số lượng: 500 tấn. Ông P đã đưa cọc cho ông T số tiền là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng).

- Hợp đồng mua bán lúa tươi các loại ngày 27/10/2023, giống lúa: Đ, giá thỏa thuận: 8.000đồng/kg, số lượng: 200 tấn. Ông P đã đưa cọc cho ông T số tiền là 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng).

- Hợp đồng mua bán lúa tươi các loại ngày 27/10/2023, giống lúa: Đ, giá thỏa thuận: 8.000đồng/kg, số lượng: 200 tấn. Ông P đã đưa cọc cho ông T số tiền là 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng).

- Hợp đồng mua bán lúa ngày 27/10/2023, giống lúa: Đ, giá thỏa thuận: 8.300đồng/kg, số lượng: 500 tấn. Ông P đã đưa cọc cho ông T số tiền là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng).

- Hợp đồng mua bán lúa ngày 29/10/2023, giống lúa: Đ, giá thỏa thuận: 8.400đồng/kg, số lượng: 500 tấn. Ông P đã đưa cọc cho ông T số tiền là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng).

- Hợp đồng mua bán lúa ngày 09/11/2023, giống lúa: Đ, giá thỏa thuận: 8.400đồng/kg, số lượng: 500 tấn. Ông P đã đưa cọc cho ông T số tiền là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng).

- Hợp đồng mua bán lúa ngày 11/11/2023, giống lúa: Đ, giá thỏa thuận: 8.400đồng/kg, số lượng: 500 tấn. Ông P đã đưa cọc cho ông T số tiền là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng).

- Hợp đồng mua bán lúa tươi các loại ngày 20/11/2023, giống lúa: Đ, giá thỏa thuận: 8.000đồng/kg, số lượng: 400 tấn. Ông P đã đưa cọc cho ông T số tiền là 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng).

- Hợp đồng mua bán lúa ngày 20/11/2023, giống lúa: Đ, giá thỏa thuận: 8.400đồng/kg, số lượng: 500 tấn. Ông P đã đưa cọc cho ông T số tiền là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng).

- Hợp đồng mua bán lúa ngày 26/11/2023, giống lúa: Đ, giá thỏa thuận: 8.400đồng/kg, số lượng: 1.000 tấn. Ông P đã đưa cọc cho ông T số tiền là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng).

- Hợp đồng mua bán lúa ngày 29/11/2023, giống lúa: Đ, giá thỏa thuận: 9.000đồng/kg, số lượng: 500 tấn. Ông P đã đưa cọc cho ông T số tiền là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng).

Đầu năm 2024, ông Lâm Đức P tiếp tục đưa tiền nhiều lần cho ông Nguyễn Văn T để đặt cọc mua lúa với tổng số tiền là 715.000.000 đồng (bảy trăm mười lăm triệu đồng).

Như vậy tổng số tiền cọc mua lúa mà ông Nguyễn Văn T đã nhận của ông Lâm Đức P là: 4.675.000.000 đồng (bốn tỷ, sáu trăm bảy mươi lăm triệu đồng) và ông T phải giao cho ông P đủ số lúa là 8.200 tấn theo thỏa thuận.

Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại tại ông T chỉ giao cho ông P được có 2.800 tấn lúa nhưng không trừ được vào tiền cọc mà ông P giao cho ông T. Do đó, số tiền ông Nguyễn Văn T nợ ông Lâm Đức P vẫn còn là 4.675.000.000 đồng (bốn tỷ, sáu trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

Nay ông Lâm Đức P yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Nguyễn Văn T phải trả cho ông Lâm Đức P số tiền đặt cọc mua lúa là: 4.675.000.000 đồng (bốn tỷ, sáu trăm bảy mươi lăm triệu đồng). Ông Lâm Đức P yêu cầu ông Nguyễn Văn T phải trả trong thời hạn sớm nhất để ông Lâm Đức P trả nợ cho những người khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án, vào ngày 23/8/2024 ông Lâm Đức P trình bày:

Đối với 09 hợp đồng mua bán lúa có nội dung đặt cọc trước một số tiền cụ thể với số tiền đã nhận cọc là 2.310.000.000 đồng mà ông Lâm Đức P đã đưa cho ông

Nguyễn Văn T đề mua số lúa tổng cộng là 4.700 tấn theo từng loại và đơn giá cụ thể của từng hợp đồng. Cụ thể như sau:

1. Hợp đồng mua bán lúa ngày 15/10/2023, giống lúa: Đ, giá thỏa thuận: 8.500đồng /kg, số lượng: 1.000 tấn. Ông Lâm Đức P đã đưa cọc cho ông T số tiền là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) với thỏa thuận nhận lúa ngày 06/12/2023. Tuy nhiên vẫn chưa nhận lúa đối với hợp đồng này.

2. Hợp đồng mua bán lúa ngày 19/10/2023, giống lúa: 5451, giá thỏa thuận: 8.200đồng/kg số lượng: 500 tấn. Ông Lâm Đức P đã đưa cọc cho ông T số tiền là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) với thỏa thuận nhận lúa ngày 10/12/2023. Tuy nhiên vẫn chưa nhận lúa đối với hợp đồng này.

3. Hợp đồng mua bán lúa ngày 23/10/2023, giống lúa: Đ, giá thỏa thuận: 8.250 đồng/kg, số lượng: 800 tấn. Ông Lâm Đức P đã đưa cọc cho ông T số tiền là 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) với thỏa thuận nhận lúa ngày 10/12/2023. Tuy nhiên vẫn chưa nhận lúa đối với hợp đồng này.

4. Hợp đồng mua bán lúa ngày 29/10/2023, giống lúa: Đ, giá thỏa thuận: 8.400đồng/kg, số lượng: 500 tấn. Ông Lâm Đức P đã đưa cọc cho ông T số tiền là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) với thỏa thuận nhận lúa ngày 20/12/2023. Tuy nhiên vẫn chưa nhận lúa đối với hợp đồng này.

5. Hợp đồng mua bán lúa tươi các loại ngày 24/10/2023, giống lúa: Đ, giá thỏa thuận: 8.300đồng/kg, số lượng: 500 tấn. Ông Lâm Đức P đã đưa cọc cho ông T số tiền là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) với thỏa thuận nhận lúa từ ngày 24/10/2023 đến hết ngày 20/01/2024. Tuy nhiên vẫn chưa nhận lúa đối với hợp đồng này.

6. Hợp đồng mua bán lúa tươi các loại ngày 27/10/2023, giống lúa: Đ, giá thỏa thuận: 8.000đồng/kg, số lượng: 200 tấn. Ông Lâm Đức P đã đưa cọc cho ông T số tiền là 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) với thỏa thuận nhận lúa từ ngày 09/12/2023 đến hết ngày 20/12/2023. Tuy nhiên vẫn chưa nhận lúa đối với hợp đồng này.

7. Hợp đồng mua bán lúa tươi các loại ngày 27/10/2023, giống lúa: Đ, giá thỏa thuận: 8.000đồng/kg, số lượng: 200 tấn. Ông Lâm Đức P đã đưa cọc cho ông T số tiền là 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) với thỏa thuận nhận lúa từ ngày 27/11/2023 đến hết ngày 10/12/2023. Tuy nhiên vẫn chưa nhận lúa đối với hợp đồng này.

8. Hợp đồng mua bán lúa ngày 27/10/2023, giống lúa: Đ, giá thỏa thuận: 8.300đồng/kg, số lượng: 500 tấn. Ông Lâm Đức P đã đưa cọc cho ông T số tiền là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) với thỏa thuận nhận lúa ngày 20/12/2023. Tuy nhiên cho đến nay vẫn chưa nhận lúa đối với hợp đồng này.

9. Hợp đồng mua bán lúa ngày 29/11/2023, giống lúa: Đ, giá thỏa thuận: 9.000đồng/kg, số lượng: 500 tấn. Ông P đã đưa cọc cho ông T số tiền là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) với thỏa thuận nhận lúa ngày 19/12/2023. Tuy nhiên cho đến nay vẫn chưa nhận lúa đối với hợp đồng này.

Đây là các giao dịch có hợp đồng với số tiền cụ thể và có người chứng kiến là ông Thạch Trường G. Riêng đối với hợp đồng cùng ngày 27/10/2023 dưới mục người chứng kiến tên của ông Lâm Đức P và người mua ghi Thạch Trường G. Thực chất đây là do ông Lâm Đức P đưa tiền và ông Thạch Trường G cũng như ông Nguyễn Văn T cùng thừa nhận việc này. Bên cạnh đó, ông Lâm Đức P có ghi sổ sách theo dõi cụ thể như:

1. Hợp đồng mua bán lúa tươi các loại ngày 15/10/2023, giống lúa: Đ, giá thỏa thuận: 8.000đồng/kg, số lượng: 600 tấn. Ông P đã đưa cọc cho ông T số tiền là 240.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi triệu đồng).

2. Hợp đồng mua bán lúa ngày 09/11/2023, giống lúa: Đ, giá thỏa thuận: 8.400đồng/kg, số lượng: 500 tấn. Ông P đã đưa cọc cho ông T số tiền là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng).

3. Hợp đồng mua bán lúa ngày 11/11/2023, giống lúa: Đ, giá thỏa thuận: 8.400đồng/kg, số lượng: 500 tấn. Ông P đã đưa cọc cho ông T số tiền là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng).

3. Hợp đồng mua bán lúa tươi các loại ngày 20/11/2023, giống lúa: Đ, giá thỏa thuận: 8.000đồng/kg, số lượng: 400 tấn. Ông P đã đưa cọc cho ông T số tiền là 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng).

4. Hợp đồng mua bán lúa ngày 20/11/2023, giống lúa: Đ, giá thỏa thuận: 8.400đồng/kg, số lượng: 500 tấn. Ông P đã đưa cọc cho ông T số tiền là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng).

5. Hợp đồng mua bán lúa ngày 26/11/2023, giống lúa: Đ, giá thỏa thuận: 8.400đồng/kg, số lượng: 1.000 tấn. Ông P đã đưa cọc cho ông T số tiền là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng).

Đầu năm 2024, ông Lâm Đức P tiếp tục đưa tiền nhiều lần cho ông Nguyễn Văn T để đặt cọc mua lúa với tổng số tiền là 715.000.000 đồng (bảy trăm mười lăm triệu đồng) cùng với đó nhiều lần đưa tiền không có biên nhận. Sau đó, ông Lâm Đức P tự ghi theo dõi trên quyển tập cá nhân cụ thể:

1. Ông Nguyễn Văn T hứa sẽ bán số lúa theo thỏa thuận là 3.000 tấn tương đương số tiền 1.500.000.000 đồng và được ông Trần Văn H xác nhận nội dung ông Nguyễn Văn T nợ ông Lâm Đức P số tiền 1.500.000.000 đồng hẹn đến ngày 07/3/2024 sẽ trả số tiền này được xác nhận vào ngày 29/3/2024 cùng với ông Thạch Trường G chứng kiến.

2. Sau đó có nội dung “3000 tấn T hứa bữa thứ năm 29/02/2024 trả tiền 1.500.000.000 đồng t... phải trả tiền cho phol Ko Kô”. Sau đó cộng thêm 3000 tấn hứa trả nhưng chưa trả và được ông Trần Văn H là trưởng ban N2 xác nhận nội dung vào ngày 06/3/2024 Nguyễn Văn T trả ông Lâm Đức P số tiền 3.000.000.000 đồng vào ngày 11/3/2024.

Cùng với đó, Hợp đồng mua bán lúa ngày 23/10/2023, giống lúa: Đ, giá thỏa thuận: 8.000đồng/kg, số lượng: 600 tấn. Ông P đã đưa cọc cho ông T số tiền là 240.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) với thỏa thuận nhận lúa ngày

19/02/2024. Tuy nhiên trong hợp đồng dưới mục người chứng kiến tên của ông Lâm Đức P và người mua ghi Thạch Trường G. Thực chất đây là do ông Lâm Đức P đưa tiền. Đối với hợp đồng này cho đến nay vẫn chưa nhận lúa đối với hợp đồng này.

So với yêu cầu khởi kiện trước đây nay ông Lâm Đức P xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu khởi kiện đối với 09 hợp đồng mua bán lúa có nội dung đặt cọc trước một số tiền cụ thể với tổng số tiền là 2.310.000.000 đồng và rút lại đối với các số tiền còn lại để tiếp tục thỏa thuận với bị đơn nhằm đưa ra cách thức giải quyết vụ việc.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện ông Lâm Đức P đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ gồm có:

- + CCCD của Lâm Đức P (chứng thực);
- + 02 Hợp đồng mua bán lúa ngày 15/10/2023 (bản photo);
- + Hợp đồng mua bán lúa ngày 19/10/2023 (bản photo);
- + Hợp đồng mua bán lúa ngày 23/10/2023 (bản photo);
- + Hợp đồng mua bán lúa ngày 24/10/2023 (bản photo);
- + 03 Hợp đồng mua bán lúa ngày 27/10/2023 (bản photo);
- + Hợp đồng mua bán lúa ngày 29/10/2023 (bản photo);
- + Hợp đồng mua bán lúa ngày 09/11/2023 (bản photo);
- + Hợp đồng mua bán lúa ngày 11/11/2023 (bản photo);
- + 02 Hợp đồng mua bán lúa ngày 20/11/2023 (bản photo);
- + Hợp đồng mua bán lúa ngày 26/11/2023 (bản photo);
- + Hợp đồng mua bán lúa ngày 29/11/2023 (bản photo);
- + Đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí;
- + Đơn yêu cầu Tòa án hỗ trợ gửi bản sao hồ sơ khởi kiện.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:**

Đối với nội dung khởi kiện của ông Lâm Đức P, ông Nguyễn Văn T đã trình bày trước đây xác nhận gồm 09 hợp đồng mua bán lúa có nội dung đặt cọc trước một số tiền cụ thể với số tiền đã nhận cọc là 2.310.000.000 đồng. Tuy nhiên số tiền này ông Nguyễn Văn T và ông Lâm Đức P chưa trừ số tiền mà ông Nguyễn Văn T đã trả thay cho ông P khoảng 10 hộ dân trên địa bàn ấp P, xã L của ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Văn T sẽ cung cấp cho Tòa án vào chiều ngày thứ hai ngày 05/8/2024. Ông Nguyễn Văn T cũng xác định như sau: Ông Nguyễn Văn T đã dùng tiền cọc đã nhận từ ông Lâm Đức P đặt cọc cho những người có tên sau: Ní T... (chưa biết rõ họ và tên) ở P số tiền 600.000.000 đồng; anh H1 (không biết rõ họ và tên) ở P xã L là 400.000.000 đồng; ông L (chưa biết rõ họ tên) ở B là 200.000.000 đồng; em T1 (chưa biết rõ họ tên) ở T, xã Đ, huyện T số tiền 150.000.000 đồng; em T2 (chưa biết rõ họ tên) ở B số tiền 250.000.000 đồng; anh T3 (chưa biết rõ họ tên) ở T, xã Đ, huyện T số tiền 50.000.000 đồng; Em H2 (chưa biết rõ họ tên) ở T, xã Đ, huyện T số tiền

40.000.000 đồng. Cháu H2 (chưa biết rõ họ tên) ở ấp P, xã L số tiền 80.000.000 đồng. Em C (chưa biết rõ họ tên) ấp K, xã T số tiền 70.000.000 đồng. Chú C1 (chưa biết rõ họ tên) ở xã C số tiền 70.000.000 đồng. Em của Chú K (chưa biết rõ họ tên) ở xã C số tiền 60.000.000 đồng. Số tiền này ông Nguyễn Văn T đưa tiền cọc cho những người này để mua lúa cung cấp cho các chủ ghe lúa đến nhận. Khi đến vụ thu hoạch sẽ nhận lúa và một số hộ không nhận lúa và bỏ cọc.

**** Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị D***

Bà Lý Thị D là người canh tác lúa vụ 02 gần tết nguyên đán 2024 đã thu hoạch lúa được 24.924kg lúa. Bà Lý Thị D đã bán lúa trên thông qua ông Nguyễn Văn T dẫn đến địa phương tại ấp P, xã L và hôm nay có mặt ngồi phía ngoài. Bà Lý Thị D bán lúa với giá 9.900 đồng/kg cho người đến mua lúa trên. Tổng số tiền khoảng gần số tiền 246.700.000 đồng. Nhưng người mua lúa không trả nên bà Lý Thị D giữ lại không cho ghe chở lúa không cho rời bến. Khi đó, ông T đã trả được 200.000.000 đồng, còn nợ bà Lý Thị D gần 50.000.000 đồng. Bà Lý Thị D yêu cầu Tòa án đưa bà Lý Thị D vào tham gia tố tụng và bà Lý Thị D yêu cầu độc lập đối với ông Lâm Đức P là người mua lúa trả lại tiền mua lúa còn nợ là 46.700.000 đồng. Bà Lý Thị D không yêu cầu tính lãi.

**** Trong quá trình giải quyết vụ án, người làm chứng ông Lý Sà R cung cấp lời khai:***

Ông Lý Sà R là người được ông Nguyễn Văn T cho đi mua lúa tại địa phương ấp P, xã L. Thời điểm thu hoạch lúa vụ 02 năm 2023, ông Lý Sà R đã dẫn ông Lâm Đức P đi mua lúa từ các hộ dân tại ấp B, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Lúc đó mua của ông Lâm N1 số lượng gần 10 tấn lúa với số tiền gần 100.000.000 đồng nhưng ông Lâm Đức P không có tiền trả nên người bán lúa không cho ghe lúa rời bến. Khi đó ông Lý Sà R đã mượn từ ông Nguyễn Văn T số tiền 100.000.000 đồng để trả cho người bán lúa (ông N1).

Tiếp đến mua lúa của ông H3 số lượng lâu quá ông Lý Sà R không nhớ, nhưng trả chưa đủ tiền mà còn thiếu khoảng 12.000.000 đồng và ông Lý Sà R đã đưa tiền ra trả thay. Nay ông Lý Sà R yêu cầu ông Lâm Đức P trả lại số tiền trên cho ông Lý Sà R, ông Lý Sà R không yêu cầu tính lãi.

Như vậy bản thân ông Lý Sà R đã trả thay cho ông P là 112.000.000 đồng. Nên ông Lý Sà R yêu cầu ông P phải trả cho ông Lý Sà R số tiền này. Ông Lý Sà R không yêu cầu tính lãi. Tuy nhiên ông Lý Sà R không yêu cầu độc lập trong vụ án này.

**** Trong quá trình giải quyết vụ án, người làm chứng ông Danh X cung cấp lời khai:***

Ông Danh X là người canh tác lúa, đã thu hoạch lúa vụ 02 của năm 2023, ông Danh X có nhận cọc từ ông Nguyễn Văn T số tiền là 20.000.000 đồng với gần 05ha ruộng. Đến vụ thu hoạch theo thỏa thuận ông Danh X bán lúa cho người mà ông T. Số lúa ông Danh X không nhớ chính xác, nhưng số tiền hơn 300.000.000 đồng nhưng

không nhớ rõ con số cụ thể. Tuy nhiên người mua không có trả tiền cho ông Danh X mà ông T là người đứng ra trả tiền cho ông D2 Xiêm 03 lần mới đủ số tiền trên.

* Tại phiên tòa hôm nay,

- Nguyên đơn ông Lâm Đức P vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Trong đơn, ông Lâm Đức P xác định rút lại đối với 06 hợp đồng cụ thể:

Rút lại đối với yêu cầu của các hợp đồng: Hợp đồng mua bán lúa tươi các loại ngày 15/10/2023, giống lúa: Đ, giá thỏa thuận: 8.000đồng/kg, số lượng: 600 tấn. Ông P đã đưa cọc cho ông T số tiền là 240.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi triệu đồng); Hợp đồng mua bán lúa ngày 09/11/2023, giống lúa: Đ, giá thỏa thuận: 8.400đồng/kg, số lượng: 500 tấn. Ông P đã đưa cọc cho ông T số tiền là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng); Hợp đồng mua bán lúa ngày 11/11/2023, giống lúa: Đ, giá thỏa thuận: 8.400đồng/kg, số lượng: 500 tấn. Ông P đã đưa cọc cho ông T số tiền là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng); Hợp đồng mua bán lúa tươi các loại ngày 20/11/2023, giống lúa: Đ, giá thỏa thuận: 8.000đồng/kg, số lượng: 400 tấn. Ông P đã đưa cọc cho ông T số tiền là 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng); Hợp đồng mua bán lúa ngày 20/11/2023, giống lúa: Đ, giá thỏa thuận: 8.400đồng/kg, số lượng: 500 tấn. Ông P đã đưa cọc cho ông T số tiền là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng); Hợp đồng mua bán lúa ngày 26/11/2023, giống lúa: Đ, giá thỏa thuận: 8.400đồng/kg, số lượng: 1.000 tấn. Ông P đã đưa cọc cho ông T số tiền là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng). Đồng thời rút lại số tiền mà ông Lâm Đức P tiếp tục đưa tiền nhiều lần cho ông Nguyễn Văn T để đặt cọc mua lúa với tổng số tiền là 715.000.000 đồng (bảy trăm mười lăm triệu đồng). Ông Lâm Đức P xác định chỉ yêu cầu số tiền 2.310.000.000 đồng so với yêu cầu đã khởi kiện số tiền 4.675.000.000 đồng.

- Đại diện là ông Triệu Du N vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Trong đơn ông Triệu Du N xác định nguyên đơn ông Lâm Đức P rút lại một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu với số tiền là 2.310.000.000 đồng.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày ông thừa nhận có nhận số tiền 2.310.000.000 đồng đã nhận từ ông Lâm Đức P. Tuy nhiên số tiền này ông Nguyễn Văn T đã đặt cọc cho ông C số tiền 70.000.000 đồng và ông P đã mua số lúa từ ông C. Tuy nhiên ông không yêu cầu trừ số tiền này. Ngoài ra ông còn giao tiền cho người khác tên T đặt cọc cho ông T4 nhưng không biết số tiền bao nhiêu và đã nhận lúa khoảng 70 tấn. Người tên T cũng đặt cọc cho người tên Tư D3 với số lượng 01 ghe lúa không rõ bao nhiêu tấn. Ngoài ra còn những người tên D, R, T5, V, S, Tuấn A, vợ Tuấn A, C2 ông cũng không rõ số tiền đặt cọc và số lúa đã nhận. Tại phiên tòa ông cũng thống nhất xác định không yêu cầu giám định chữ ký.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị D vẫn giữ nguyên yêu cầu độc lập trong vụ án buộc ông Lâm Đức P có nghĩa vụ trả số tiền mua lúa còn nợ là 46.700.000 đồng và yêu cầu trả trong thời gian sớm nhất.

- Người làm chứng ông Lý Sà R trình bày: Ông có nhận tiền từ ông Nguyễn Văn T để đi đặt cọc lúa cho các hộ dân. Ông khẳng định lời trình bày trước đây là đúng. Tại phiên tòa do thời gian lâu nên không nhớ chi tiết.

- Người làm chứng ông Thạch Trường G trình bày: Ông có chứng kiến việc ông Lâm Đức P đã giao tiền cho ông Nguyễn Văn T nhiều lần để ông T đi đặt cọc mua lúa từ những người canh tác lúa ở địa phương. Tuy nhiên đến khi thu hoạch lúa, các chủ ghe đã đưa tiền cho ông Lâm Đức P đến nhận lúa, qua liên hệ với các hộ dân thì họ chưa nhận tiền cọc gì từ ông Nguyễn Văn T nên không mua được lúa. Việc ông T trình bày về việc có đặt cọc lúa của ông Tư D3 thì ông không biết còn việc mua lúa từ ông T4, ông C là mua theo giá thị trường thực tế tại thời điểm bán chứ không phải mua theo giá đã bỏ cọc trước.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án: nhận, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 92, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 124, Điều 138, Điều 139, Điều 328, Điều 357, Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuyên bố vô hiệu 09 hợp đồng mua bán lúa có nội dung đặt cọc trước một số tiền cụ thể mua bán lúa và chấm dứt giao dịch “ủy quyền đặt cọc mua lúa” giữa ông Lâm Thanh P1 và ông Nguyễn Văn T đối với các hợp đồng mua bán lúa:

1.1. Hợp đồng mua bán lúa tươi các loại ngày 23/10/2023, giống lúa: Đài thơm 8, giá thỏa thuận: 8.000 đồng/kg; số lượng 600 tấn. Tiền cọc là 250.000.000 đồng.

1.2. Hợp đồng mua bán lúa tươi các loại ngày 15/10/2023, giống lúa: Đài thơm 8, giá thỏa thuận: 8.500 đồng/kg; số lượng 1000 tấn. Tiền cọc là 500.000.000 đồng.

1.3. Hợp đồng mua bán lúa tươi các loại ngày 19/10/2023, giống lúa: 5451, giá thỏa thuận: 8.200 đồng/kg; số lượng 500 tấn. Tiền cọc là 250.000.000 đồng.

1.4. Hợp đồng mua bán lúa tươi các loại ngày 23/10/2023, giống lúa: Đài thơm 8, giá thỏa thuận: 8.250 đồng/kg; số lượng 800 tấn. Tiền cọc là 400.000.000 đồng.

1.5. Hợp đồng mua bán lúa tươi các loại ngày 24/10/2023, giống lúa: Đài thơm 8, giá thỏa thuận: 8.300 đồng/kg; số lượng 500 tấn. Tiền cọc là 250.000.000 đồng

1.6. Hợp đồng mua bán lúa tươi các loại ngày 27/10/2023, giống lúa. Đài thơm 8, giá thỏa thuận: 8.000 đồng/kg; số lượng 200 tấn. Tiền cọc là 80.000.000 đồng.

1.7. Hợp đồng mua bán lúa tươi các loại ngày 27/10/2023, giống lúa: Đài thơm 8, giá thỏa thuận: 8.000 đồng/kg; số lượng 200 tấn. Tiền cọc là 80.000.000 đồng.

1.8. Hợp đồng mua bán lúa tươi các loại ngày 27/10/2023, giống lúa: Đài thơm 8, giá thỏa thuận: 8.300 đồng/kg; số lượng 500 tấn. Tiền cọc là 250.000.000 đồng.

1.9. Hợp đồng mua bán lúa tươi các loại ngày 29/10/2023, giống lúa: Đài thơm 8, giá thỏa thuận: 8.400 đồng/kg; số lượng 500 tấn. Tiền cọc là 250.000.000 đồng.

2. Buộc ông Nguyễn Văn T trả cho ông Lâm Đức P số tiền cọc lúa 2.310.000.000 đồng,

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Thạch Thị D4. Buộc nguyên đơn ông Lâm Đức P trả cho bà Thạch Thị D4 số tiền mua lúa là 46.700.000 đồng.

Đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Nguyễn Văn T có địa chỉ ấp P, xã L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về xét xử vắng mặt đối với đương sự: Nguyên đơn ông Lâm Đức P, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Triệu Du N, người làm chứng Ông Danh X, bà Thạch Thị D1, ông Trần Văn H. *Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.*

[3] Về xác định quan hệ tranh chấp: Ông Lâm Đức P khởi kiện ông Nguyễn Văn T về 09 hợp đồng mua bán lúa có nội dung đặt cọc trước một số tiền cụ thể mua lúa được xác định đây là vụ án dân sự với quan hệ tranh chấp là “Hợp đồng đặt cọc” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 328 của Bộ luật dân sự 2015. Bà Lý Thị D yêu cầu độc lập đối với ông Lâm Đức P về số tiền mua lúa còn nợ là 46.700.000 đồng được xác định là tranh chấp đòi lại tài sản” theo khoản 2 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Xét về rút một phần yêu cầu tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện các hợp đồng: Hợp đồng mua bán lúa tươi các loại ngày 15/10/2023, giống lúa: Đ, giá thỏa thuận: 8.000đồng/kg, số lượng: 600 tấn. Ông P đã đưa cọc cho ông T số tiền là 240.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi triệu đồng); Hợp đồng mua bán lúa ngày 09/11/2023, giống lúa: Đ, giá thỏa thuận: 8.400đồng/kg, số lượng: 500 tấn. Ông P đã đưa cọc cho ông T số tiền là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng); Hợp đồng mua bán lúa ngày 11/11/2023, giống lúa: Đ, giá thỏa thuận: 8.400đồng/kg, số lượng: 500 tấn. Ông P đã đưa cọc cho ông T số tiền là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng); Hợp đồng mua bán lúa tươi các loại ngày 20/11/2023, giống lúa: Đ, giá thỏa thuận:

8.000đồng/kg, số lượng: 400 tấn. Ông P đã đưa cọc cho ông T số tiền là 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng); Hợp đồng mua bán lúa ngày 20/11/2023, giống lúa: Đ, giá thỏa thuận: 8.400đồng/kg, số lượng: 500 tấn. Ông P đã đưa cọc cho ông T số tiền là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng); Hợp đồng mua bán lúa ngày 26/11/2023, giống lúa: Đ, giá thỏa thuận: 8.400đồng/kg, số lượng: 1.000 tấn. Ông P đã đưa cọc cho ông T số tiền là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng). Yêu cầu số tiền mà ông Lâm Đức P tiếp tục đưa tiền nhiều lần cho ông Nguyễn Văn T để đặt cọc mua lúa với tổng số tiền là 715.000.000 đồng (bảy trăm mười lăm triệu đồng). Dương sự được quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định của pháp luật.

[5] Về nội dung vụ án:

[5.1] Theo các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và tài liệu do nguyên đơn ông Lâm Đức P cung cấp:

- Hợp đồng mua bán lúa ngày 15/10/2023, giống lúa: Đ, giá thỏa thuận: 8.500đồng /kg, số lượng: 1.000 tấn. Nguyên đơn đã đặt cọc cho bị đơn số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) với thỏa thuận nhận lúa ngày 06/12/2023.

- Hợp đồng mua bán lúa ngày 19/10/2023, giống lúa: 5451, giá thỏa thuận: 8.200đồng/kg số lượng: 500 tấn. Nguyên đơn đã đặt cọc cho ông T số tiền 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) với thỏa thuận nhận lúa ngày 10/12/2023.

- Hợp đồng mua bán lúa ngày 23/10/2023, giống lúa: Đ, giá thỏa thuận: 8.250 đồng/kg, số lượng: 800 tấn. Nguyên đơn đã đặt cọc cho bị đơn số tiền là 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) với thỏa thuận nhận lúa ngày 10/12/2023.

- Hợp đồng mua bán lúa ngày 29/10/2023, giống lúa: Đ, giá thỏa thuận: 8.400đồng/kg, số lượng: 500 tấn. Nguyên đơn đã đặt cọc cho bị đơn số tiền là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) với thỏa thuận nhận lúa ngày 20/12/2023. Tuy nhiên vẫn chưa nhận lúa đối với hợp đồng này.

- Hợp đồng mua bán lúa tươi các loại ngày 24/10/2023, giống lúa: Đ, giá thỏa thuận: 8.300đồng/kg, số lượng: 500 tấn. Nguyên đơn đã đặt cọc cho bị đơn số tiền là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) với thỏa thuận nhận lúa từ ngày 24/10/2023 đến hết ngày 20/01/2024.

- Hợp đồng mua bán lúa tươi các loại ngày 27/10/2023, giống lúa: Đ, giá thỏa thuận: 8.000đồng/kg, số lượng: 200 tấn. Nguyên đơn đã đặt cọc cho bị đơn số tiền là 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) với thỏa thuận nhận lúa từ ngày 09/12/2023 đến hết ngày 20/12/2023.

- Hợp đồng mua bán lúa tươi các loại ngày 27/10/2023, giống lúa: Đ, giá thỏa thuận: 8.000đồng/kg, số lượng: 200 tấn. Nguyên đơn đã đặt cọc cho bị đơn số tiền là 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) với thỏa thuận nhận lúa từ ngày 27/11/2023 đến hết ngày 10/12/2023.

- Hợp đồng mua bán lúa ngày 27/10/2023, giống lúa: Đ, giá thỏa thuận: 8.300đồng/kg, số lượng: 500 tấn. Nguyên đơn đã đặt cọc cho bị đơn số tiền là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) với thỏa thuận nhận lúa ngày

20/12/2023.

- Hợp đồng mua bán lúa ngày 29/11/2023, giống lúa: Đ, giá thỏa thuận: 9.000đồng/kg, số lượng: 500 tấn. Ông P đã đưa cọc cho ông T số tiền là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) với thỏa thuận nhận lúa ngày 19/12/2023.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T cũng thống nhất và không phản đối những tài liệu, chứng cứ nêu trên. Do đó căn cứ khoản 2 Điều 92 và khoản 1 Điều 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định: Qua 09 hợp đồng vào các: ngày 15/10/2023, ngày 19/10/2023, ngày 23/10/2023, ngày 24/10/2023 ngày 27/10/2023 và ngày 29/10/2023 giữa ông Lâm Đức P với ông Nguyễn Văn T đã thực hiện thỏa thuận mua bán các loại lúa Đài Thơm 8 và 5451 có mức giá khác nhau với số lượng là 4.700 tấn với tổng số tiền mà đã đặt cọc là 2.310.000.000 đồng.

[5.2] Theo nội dung trình bày của ông Lâm Đức P đến nay ông Lâm Đức P chưa nhận số lượng lúa của 09 hợp đồng trên. Tuy nhiên ông Nguyễn Văn T trình bày ông Nguyễn Văn T đã đứng ra trả thay cho ông Lâm Đức P cùng thời gian trên do ông Lâm Đức P đã mua lúa của những hộ dân tại địa bàn ấp P, xã L, huyện L mà không có tiền trả. Còn lại là số tiền ông Nguyễn Văn T đã bỏ cọc đến các hộ dân có canh tác lúa để mua theo thỏa thuận như đã nhận cọc từ ông Lâm Đức P cùng với số tiền đưa cọc cho Ní T6 là 600.000.000 đồng, anh H1 số tiền 300.000.000 đồng, đưa cho ông L ở Bung Triết là 200.000.000 đồng. Ông Nguyễn Văn T đã dùng tiền cọc đã nhận từ ông P đặt cọc cho những người có tên sau: Ní T... (chưa biết rõ họ và tên) ở P số tiền 600.000.000 đồng; anh H1 (không biết rõ họ và tên) ở P xã L là 400.000.000 đồng; ông L (chưa biết rõ họ tên) ở B là 200.000.000 đồng; em T1 (chưa biết rõ họ tên) ở T, xã Đ, huyện T số tiền 150.000.000 đồng; em T2 (chưa biết rõ họ tên) ở B số tiền 250.000.000 đồng; anh T3 (chưa biết rõ họ tên) ở T, xã Đ, huyện T số tiền 50.000.000 đồng; Em H2 (chưa biết rõ họ tên) ở T, xã Đ, huyện T số tiền 40.000.000 đồng. Cháu H2 (chưa biết rõ họ tên) ở ấp P, xã L số tiền 80.000.000 đồng. Em C (chưa biết rõ họ tên) ấp K, xã T số tiền 70.000.000 đồng. Chú C1 (chưa biết rõ họ tên) ở xã C số tiền 70.000.000 đồng. Em của Chú K (chưa biết rõ họ tên) ở xã C số tiền 60.000.000 đồng.

[5.2.1] Xét nội dung trình bày của ông Nguyễn Văn T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tòa án đã thông báo số 17/TB-TA ngày 05/8/2024 (BL 92) để yêu cầu ông Nguyễn Văn T trình bày và cung cấp thông tin không thể hiện được việc các bên thực hiện giao nhận lúa như thỏa thuận trong 09 hợp đồng mua bán lúa có nội dung đặt cọc trước một số tiền cụ thể nêu trên. Các nội dung mà ông Nguyễn Văn T đưa ra là chỉ thể hiện các bên có nợ và ông Nguyễn Văn T giao dịch với bên thứ ba. Do đó không liên quan đến nội dung của việc thỏa thuận đặt cọc trong vụ án này. Ngoài nội dung trình bày trên, ông Nguyễn Văn T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho việc giao lúa cho nguyên đơn mà nguyên đơn không nhận dẫn đến bỏ cọc theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5.3] Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn T cũng như hai người làm chứng có mặt cùng thống nhất xác định việc đặt cọc giữa nguyên đơn với bị đơn nhằm để bị đơn đi tìm nguồn lúa thu hoạch từ các hộ dân tại địa phương đến nguyên đơn mua với số lượng như trên. Bị đơn không phải là người canh tác lúa và không có số lượng lúa

như hợp đồng đặt cọc đã đưa ra. Tại nội dung của 09 hợp đồng mua bán lúa có nội dung đặt cọc trước một số tiền cụ thể trên cũng không thể hiện nội dung nào khác ngoài nội dung thỏa thuận giá mua lúa, loại lúa, thời gian nhận lúa và số tiền đặt cọc. Nội dung này cũng hoàn toàn phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng trong vụ án. Do đó, đối chiếu với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 117 và Điều 122 của Bộ luật dân sự 2015 xác định giao dịch giữa ông Lâm Đức P với ông Nguyễn Văn T đã thực hiện thỏa thuận mua bán các loại lúa 5454, Đ 8 theo với mức giá khác nhau có tổng số lượng là 4.700 tấn với tổng số tiền mà đã đặt cọc là 2.310.000.000 đồng là vô hiệu.

[5.4] Về hậu quả của giao đặt cọc:

[5.4.1] Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 131 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “Giao dịch dân sự vô hiệu không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm giao dịch được xác lập”.

[5.4.2] Theo khoản 2 Điều 131 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “Khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận”. Do đó ông Nguyễn Văn T đã thừa nhận số tiền đã nhận từ ông Lâm Đức P là 2.310.000.000 đồng vì vậy cần buộc ông Nguyễn Văn T trả lại cho nguyên đơn số tiền nêu trên. Đối với nguyên đơn không có nhận bất cứ gì từ bị đơn trong giao dịch trên và bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5.4.3] Xét về lỗi các bên tham gia giao dịch thấy rằng: Ông Lâm Đức P và ông Nguyễn Văn T cùng xác định và biết được việc ông Nguyễn Văn T không có số lượng lúa là 4.700 tấn như trên nhưng vẫn thực hiện giao dịch đặt cọc nhằm thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng nên lỗi được xác định là ông Lâm Đức P và ông Nguyễn Văn T cùng phải chịu nên không phải bồi thường cho nhau.

[5.5] Từ những phân tích trên, đủ cơ sở hợp đồng đặt cọc là vô hiệu, buộc các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Do đó cần chấp nhận yêu cầu đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Đức P yêu cầu ông Nguyễn Văn T trả số tiền đặt cọc là 2.310.000.000 đồng.

[6] Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật hoặc khi đến hạn trả tiền, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[7] Xét về yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị D yêu cầu ông Lâm Đức P là người mua lúa trả lại tiền mua lúa còn nợ là 46.700.000 đồng. Bà Lý Thị D không yêu cầu tính lãi. Ý kiến của ông Lâm Đức P cũng thống nhất với nội dung này nên cần ghi nhận và buộc ông Lâm Đức P có nghĩa vụ thanh toán cho bà Lý Thị D số tiền trên. Ngoài ra kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật hoặc khi đến hạn trả tiền, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho

đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[8.1] Do yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn trả số tiền 2.310.000.000 đồng được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí phần này. Án phí dân sự sơ thẩm là 78.200.000 đồng bị đơn phải chịu.

[8.2] Đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí đối với số tiền này: 2.335.000 đồng. Nhưng thuộc trường hợp là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn và có đơn miễn án phí nên được chấp nhận.

[9] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Nguyễn Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lý Thị D có mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với nguyên đơn ông Lâm Đức P và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Triệu Du N vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Xét về nội dung của văn bản ủy quyền giữa ông Lâm Đức P với ông Triệu Du N (bút lục từ 10 đến 11) không có nội dung được ủy quyền về kháng cáo. Do đó chỉ có ông Lâm Đức P có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

[10] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú phát biểu tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 và 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95, Điều 147, điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229, khoản 3 Điều 235, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 105 và khoản 1 Điều 166, các điều 117, 122, 328, khoản 1, khoản 2 Điều 131 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật sự năm 2015.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Đức P.

Tuyên bố 09 hợp đồng sau đây vô hiệu:

+ Hợp đồng mua bán lúa ngày 15/10/2023, giống lúa: Đ, giá thỏa thuận: 8.500đồng /kg, số lượng: 1.000 tấn. Ông Lâm Đức P đã đưa cọc cho ông T số tiền là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) với thỏa thuận nhận lúa ngày 06/12/2023. Tuy nhiên vẫn chưa nhận lúa đối với hợp đồng này.

+ Hợp đồng mua bán lúa ngày 19/10/2023, giống lúa: 5451, giá thỏa thuận: 8.200đồng/kg số lượng: 500 tấn. Ông Lâm Đức P đã đưa cọc cho ông T số tiền là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) với thỏa thuận nhận lúa ngày 10/12/2023. Tuy nhiên vẫn chưa nhận lúa đối với hợp đồng này.

+ Hợp đồng mua bán lúa ngày 23/10/2023, giống lúa: Đ, giá thỏa thuận: 8.250 đồng/kg, số lượng: 800 tấn. Ông Lâm Đức P đã đưa cọc cho ông T số tiền là 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) với thỏa thuận nhận lúa ngày 10/12/2023. Tuy nhiên vẫn chưa nhận lúa đối với hợp đồng này.

+ Hợp đồng mua bán lúa ngày 29/10/2023, giống lúa: Đ, giá thỏa thuận: 8.400đồng/kg, số lượng: 500 tấn. Ông Lâm Đức P đã đưa cọc cho ông T số tiền là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) với thỏa thuận nhận lúa ngày 20/12/2023. Tuy nhiên vẫn chưa nhận lúa đối với hợp đồng này.

+ Hợp đồng mua bán lúa tươi các loại ngày 24/10/2023, giống lúa: Đ, giá thỏa thuận: 8.300đồng/kg, số lượng: 500 tấn. Ông Lâm Đức P đã đưa cọc cho ông T số tiền là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) với thỏa thuận nhận lúa từ ngày 24/10/2023 đến hết ngày 20/01/2024. Tuy nhiên vẫn chưa nhận lúa đối với hợp đồng này.

+ Hợp đồng mua bán lúa tươi các loại ngày 27/10/2023, giống lúa: Đ, giá thỏa thuận: 8.000đồng/kg, số lượng: 200 tấn. Ông Lâm Đức P đã đưa cọc cho ông T số tiền là 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) với thỏa thuận nhận lúa từ ngày 09/12/2023 đến hết ngày 20/12/2023. Tuy nhiên vẫn chưa nhận lúa đối với hợp đồng này.

+ Hợp đồng mua bán lúa tươi các loại ngày 27/10/2023, giống lúa: Đ, giá thỏa thuận: 8.000đồng/kg, số lượng: 200 tấn. Ông Lâm Đức P đã đưa cọc cho ông T số tiền là 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) với thỏa thuận nhận lúa từ ngày 27/11/2023 đến hết ngày 10/12/2023. Tuy nhiên vẫn chưa nhận lúa đối với hợp đồng này.

+ Hợp đồng mua bán lúa ngày 27/10/2023, giống lúa: Đ, giá thỏa thuận: 8.300đồng/kg, số lượng: 500 tấn. Ông Lâm Đức P đã đưa cọc cho ông T số tiền là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) với thỏa thuận nhận lúa ngày 20/12/2023. Tuy nhiên cho đến nay vẫn chưa nhận lúa đối với hợp đồng này.

+ Hợp đồng mua bán lúa ngày 29/11/2023, giống lúa: Đ, giá thỏa thuận: 9.000đồng/kg, số lượng: 500 tấn. Ông P đã đưa cọc cho ông T số tiền là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) với thỏa thuận nhận lúa ngày 19/12/2023. Tuy nhiên cho đến nay vẫn chưa nhận lúa đối với hợp đồng này.

- Buộc ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ thanh toán cho ông Lâm Đức P số tiền đã nhận cọc là: 2.310.000.000 (Hai tỷ, ba trăm mười triệu) đồng.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện sau:

Hợp đồng mua bán lúa tươi các loại ngày 15/10/2023, giống lúa: Đ, giá thỏa thuận: 8.000đồng/kg, số lượng: 600 tấn. Ông P đã đưa cọc cho ông T số tiền là 240.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi triệu đồng); Hợp đồng mua bán lúa ngày

09/11/2023, giống lúa: Đ, giá thỏa thuận: 8.400đồng/kg, số lượng: 500 tấn. Ông P đã đưa cọc cho ông T số tiền là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng); Hợp đồng mua bán lúa ngày 11/11/2023, giống lúa: Đ, giá thỏa thuận: 8.400đồng/kg, số lượng: 500 tấn. Ông P đã đưa cọc cho ông T số tiền là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng); Hợp đồng mua bán lúa tươi các loại ngày 20/11/2023, giống lúa: Đ, giá thỏa thuận: 8.000đồng/kg, số lượng: 400 tấn. Ông P đã đưa cọc cho ông T số tiền là 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng); Hợp đồng mua bán lúa ngày 20/11/2023, giống lúa: Đ, giá thỏa thuận: 8.400đồng/kg, số lượng: 500 tấn. Ông P đã đưa cọc cho ông T số tiền là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng); Hợp đồng mua bán lúa ngày 26/11/2023, giống lúa: Đ, giá thỏa thuận: 8.400đồng/kg, số lượng: 1.000 tấn. Ông P đã đưa cọc cho ông T số tiền là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng). Yêu cầu số tiền mà ông Lâm Đức P tiếp tục đưa tiền nhiều lần cho ông Nguyễn Văn T để đặt cọc mua lúa với tổng số tiền là 715.000.000 đồng (bảy trăm mười lăm triệu đồng).

Đương sự được quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định của pháp luật.

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị D.

Ghi nhận và buộc ông Lâm Đức P có nghĩa vụ thanh toán số tiền mua lúa còn nợ là 46.700.000 (Bốn mươi sáu triệu bảy trăm nghìn) đồng.

4/ Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật hoặc khi đến hạn trả tiền, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 78.200.000 (Bảy mươi tám triệu hai trăm nghìn) đồng.

- Ông Lâm Đức P phải chịu án phí đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được chấp nhận nhưng thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Bà Lý Thị D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6/ Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Văn T, bà Lý Thị D có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án và ông Lâm Đức P có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi

hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ST (P.KTNV&THA);
- VKSND huyện LP;
- Chi cục THADS huyện LP;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thái Ngọc